

BẢNG KÊ 10 LÔ ĐẤT ĐẦU GIÁ

TT	Ký hiệu lô đất	Diện tích (m2)	Mật độ XD (%)	Tầng cao QH	Giá khởi điểm (đ/m2)	Giá khởi điểm (đ/lô)	Tiền đặt trước (đ/lô)	Tiền hồ sơ (đ/lô)	Bước giá tối thiểu (đ/m2)	Ghi chú
1	LK01.01	115,61	87,00	4	16.500.000	1.907.565.000	381.513.000	200.000	4.000.000	Lô góc
2	LK01.02	90,00	100,00	4	15.000.000	1.350.000.000	270.000.000	200.000	5.000.000	
3	LK01.09	90,00	100,00	4	15.000.000	1.350.000.000	270.000.000	200.000	5.000.000	
4	LK02.01	102,90	89,60	4	13.200.000	1.358.280.000	271.656.000	200.000	4.000.000	Lô góc
5	LK02.02	90,00	100,00	4	12.000.000	1.080.000.000	216.000.000	200.000	4.000.000	
6	LK02.08	90,00	100,00	4	12.000.000	1.080.000.000	216.000.000	200.000	4.000.000	
7	LK02.09	90,00	100,00	4	12.000.000	1.080.000.000	216.000.000	200.000	4.000.000	
8	LK03.05	94,99	96,00	4	14.000.000	1.329.860.000	265.972.000	200.000	6.000.000	
9	LK03.06	97,22	93,00	4	14.000.000	1.361.080.000	272.216.000	200.000	6.000.000	
10	LK03.07	90,33	100,00	4	16.500.000	1.490.445.000	298.089.000	200.000	8.000.000	Lô góc
Tổng		951,05				13.387.230.000	2.677.446.000			